

**CÔNG TY TNHH MTV TM KỸ THUẬT QUÝ BÌNH PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV TM KỸ THUẬT QUÝ BÌNH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703259763

**3. Ngày thành lập:** 04/11/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 51, khu phố Tân Hội, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0918511055

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp<br>Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị nâng hạ, bốc dỡ, bốc xếp, vận chuyển hoạt động bằng tay hoặc bằng năng lượng như:<br>- Puli ròng rọc, cần trục, tời<br>- Cần trục các loại; khung nâng di động<br>- Xe đẩy, có hoặc không có máy nâng hoặc thiết bị cầm tay, có hoặc không có bộ phận tự hành, loại được sử dụng trong nhà máy,<br>- Tay máy và người máy công nghiệp được thiết kế đặc biệt cho việc nâng, bốc dỡ;<br>Sản xuất máy nâng, cầu thang di động và chuyển thành cầu thang bộ; sản xuất các bộ phận đặc biệt | 2816(Chính) |
| 2.  | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2814        |
| 3.  | Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2818        |
| 4.  | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2819        |
| 5.  | Sản xuất máy chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2829        |
| 6.  | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2710        |
| 7.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết: Sửa chữa máy móc, thiết bị công nghiệp, nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3312        |
| 8.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3100        |

|     |                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>Chi tiết: Gia công cơ khí; Gia công tiện, hàn, phay, bào, mài (cắt gọt kim loại)                                                                              | 2592 |
| 10. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                | 7730 |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng, máy dệt, may, da, giày; bán buôn máy móc thiết bị điện, vật liệu điện, dây điện, CB, mô tơ | 4659 |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                        | 4653 |
| 13. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                             | 4101 |
| 14. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                           | 7110 |
| 15. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                       | 4102 |
| 16. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                  | 4212 |
| 17. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                             | 4229 |
| 18. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                        | 4311 |
| 19. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                             | 4312 |
| 20. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                         | 4321 |
| 21. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                         | 4322 |
| 22. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                | 4329 |
| 23. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                | 4330 |
| 24. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                           | 4390 |
| 25. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                 | 4649 |
| 26. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                           | 4662 |
| 27. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                       | 4663 |
| 28. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                             | 4669 |
| 29. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                             | 4690 |
| 30. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                | 4933 |
| 31. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                              | 5224 |
| 32. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng dân dụng và công nghiệp                                                                                                                      | 4299 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHẠM VĂN QUÍ

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 19/05/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 070084008994

Ngày cấp: 17/05/2024

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 559 Ấp An Phú, Xã An Sơn, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 559 Ấp An Phú, Xã An Sơn, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM VĂN QUÍ

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc

Sinh ngày: 19/05/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 070084008994

Ngày cấp: 17/05/2024

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 559 Ấp An Phú, Xã An Sơn, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 559 Ấp An Phú, Xã An Sơn, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương